TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/KDTM-ST
Ngày: 22/07/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-KDTM ngày 19 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 03 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 24/2020/TB-TA ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP NT VN.

Địa chỉ trụ sở: số 198 đường TQK, phường LTT, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Bùi Trần M- Giám đốc Ngân hàng TMCP NT VN - CNAG(Theo Giấy ủy quyền số: 182/UQ-VCB.PC ngày 28/3/2016).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Phúc Minh H- Phó Trưởng Phòng khách hàng Ngân hàng TMCP NT VN - CNAG(Theo giấy ủy quyền số 53/UQ-NHNT.AG ngày 09/7/2020).

Địa chỉ: số 30-32 đường HBT, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp TL, xã TT, huyện CĐ, thành phố CT.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955;

3.2 Bà Trần Kim P, sinh năm 1951;

3.3 Bà Nguyễn Thị Bé H**,** sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp TL, xã TT, huyện CĐ, Thành phố CT.

3.4 Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp TT, xã TTH, huyện CĐ, thành phố CT.

3.5 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CĐ, thành phố CT.

3.6 Bà Tăng Thị L, sinh năm 1982 (tên gọi khác là Tâm Thị L, Tân Thị L);

3.7 Ông Lê Chí H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CĐ, thành phố CT.

3.8 Ông Trương Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp TH 2, xã TH, huyện CĐ, thành phố CT.

3.9 Ông Nguyễn Văn P (tên gọi khác là Y), sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp TL, xã TL, huyện VT, thành phố CT.

Địa chỉ liên lạc hiện nay: ấp TL, xã TT, huyện CĐ, thành phố CT.

(Nguyên đơn, bà H có mặt, bị đơn vắng mặt, các đương sự còn lại có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 06 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Bùi Phúc Minh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGvà ông Nguyễn Văn L thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 1332/2017/VCB.AG. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông L vay với số tiền 2.300.000.000đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng); mục đích: Mua bán vật tư nông nghiệp; thời hạn cho vay: 06 tháng; lãi suất cho vay: 6%/năm. Phương thức trả nợ vốn theo hết hạn hợp đồng, trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 26.

Để bảo đảm cho khoản số tiền vay cho ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P và bà Nguyễn Thị Bé H đồng ý ký kết thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1271/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP NT VN – CNAGvới bà Nguyễn Thị Bé H đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03289, thửa đất số 324, diện tích là 4.900m^2, đất lúa, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Trung, xã Trung Hưng, huyện CĐ, thành phố CT do Ủy ban nhân dân huyện CĐ, thành phố CT cấp ngày 30/03/2015 mang tên bà Nguyễn Thị Bé H.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1270/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP NT VN – CNAGvới ông Nguyễn Văn L và bà Trần KPđối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01113, thửa đất số 142, diện tích là 955 m^2, đất ở và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện CĐ, thành phố CT do Ủy ban nhân dân huyện CĐ, thành phố CT cấp ngày 28/03/2012 mang tên ông Nguyễn Văn L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00331, thửa đất số 322, diện tích là 15.200 m^2, đất lúa, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Trung, xã Trung Hưng, huyện CĐ, thành phố CT do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Trạch (nay là Ủy ban nhân dân huyện CĐ), thành phố CT cấp ngày 10/11/2005 mang tên ông Nguyễn Văn L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00330, thửa đất số 318, diện tích là 11.125 m^2, đất lúa, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Trung, xã Trung Hưng, huyện CĐ, thành phố CT do Ủy ban nhân dân huyện CĐ (nay là Ủy ban nhân dân huyện CĐ), thành phố CT cấp ngày 10/11/2005 mang tên ông Nguyễn Văn L.

Tất cả các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Đỗ Như Phương chứng nhận số 3312, 3313, quyển số 03/2017/TP/CC – SCC/HĐGD cùng ngày 21/12/2017 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CĐ, thành phố CT và sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 02 đăng ký ngày 21/12/2017.

Sau khi ký hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.300.000.000 đồng cho ông L theo giấy nhận nợ số 01 ngày 22/12/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn L chỉ trả tiền lãi một lần vào ngày 28/12/2017. Tuy nhiên từ kỳ lãi vào ngày 26/01/2018 ông L không tiếp tục trả lãi cho ngân hàng. Ngày 12/02/2018 Ngân hàng có thông báo đến ông Nguyễn Văn L về việc chuyển toàn bộ nợ vay của ông Nguyễn Văn L sang nợ quá hạn do lãi kể từ ngày 12/02/2018 nhưng đến nay ông L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do ông Nguyễn Văn L vi phạm hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1332/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam – CNAGđại diện nhận toàn bộ số

tiền tạm tính đến hết ngày 26/05/2018 là 2.375.175.343đ (trong đó nợ gốc là: 2.300.000.000đ, nợ lãi là 75.175.343đ và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1270/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP NT VN – CNAGvới ông Nguyễn Văn L và bà Trần KPvà hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1271/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP NT VN – CNAGvới bà Nguyễn Thị Bé Hđể đảm bảo cho việc thi hành án.

Quá trình thực hiện thủ tục vay vốn ngân hàng, phía ông L vay tiền có cung cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của ông L là để chứng minh khả năng trả nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa các bên.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng nên vào ngày 31/08/2018 Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại huyện CĐ, thành phố CT. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang quyết định ủy thác thu thập chứng cứ đến Tòa án nhân dân huyện CĐ, thành phố CT để xem xét, thẩm định phần diện tích đất ông L, bà P bà H thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03289; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01113; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00331; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00330. Kết quả các tài sản thế chấp sau khi xem xét, thẩm định không có biến động. Tuy nhiên, vào ngày 19/10/2018, Tòa án nhân dân huyện CĐ kết hợp cùng các cơ quan chuyên môn tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm của khoản vay và qua thực tế qua xem xét, thẩm định tại chỗ trên phần diện tích đất thế chấp có liên quan đến bà Tăng Thị L, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Văn H, ông Đinh Ngọc D, ông Nguyễn Thành S, ông Nguyễn Văn Tlà những đương sự nhận cố đất có thời hạn giữa ông L, bà P, bà H nên Ngân hàng yêu cầu cần thiết phải đưa các ông bà có trên cùng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án. Theo ông Hoàng Quốc T người đại diện theo ủy quyền trước đây của nguyên đơn đã xác định tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện CĐ có ghi nhận các ông bà có tên gồm: Ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, bà Nguyễn Thị Bé H, ông Nguyễn Thành S, ông Nguyễn Văn H, bà Tăng Thị L, ông Lê Chí H, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Văn P (Y) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với ông Đinh Ngọc D, ông Nguyễn Văn Tkhông phải là người nhận cố đất, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó, yêu cầu Tòa án xét lại tư cách các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật đồng thời theo nội dung công văn số 194/UBND-TCKH ngày 13/5/2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện CĐ, thành phố CT cung cấp thông tin xác định ông Nguyễn Văn L đã được Phòng tài chính - Kế hoạch cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 57G80081872, đăng ký lần đầu ngày 25/02/2016. Đến nay, Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn L không còn hoạt động tại ấp TT, xã TH, huyện CĐ nhưng không làm thủ

tục chuyển đổi địa chỉ mới và cũng không thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

Sự việc này Tòa án ra thông báo số 02/2020/TB-TA ngày 04 tháng 05 năm 2020 về việc xác định tư cách đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật, phía Ngân hàng thống nhất không có ý kiến.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, bà Nguyễn Thị Bé H, ông Nguyễn Thành S, ông Nguyễn Văn H, bà Tăng Thị L, ông Lê Chí H, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Văn P (Y) thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để bảo đảm số tiền ông L đã vay của Ngân hàng, không yêu cầu độc lập đối với các đương sự có liên quan và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra không ý kiến trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả nợ vốn 2.299.985.653 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn tổng cộng 699.968.976đ (tạm tính đến ngày 22/07/2020), tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ông L đã ký kết, có đăng ký giao dịch bảo đảm để thi hành án về sau. Đối với yêu cầu của bà Hai thỏa thuận nhận chuyển nhượng phần đất 11.125m^2 mang tên ông Nguyễn Văn L đã thế chấp và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông L thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì sẽ xóa thế chấp tài sản theo quy định. Nay bà Hai có yêu cầu thương lượng thì sẽ thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án về sau.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bé Hthống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa bà Hai và Ngân hàng để bảo đảm cho ông L vay số tiền 2.300.000.000đ. Tuy nhiên, bà Hai yêu cầu được thương lượng thỏa thuận với Ngân hàng tạo điều kiện cho bà nhận chuyển nhượng lại phần diện tích đất tại giai đoạn thi hành án đối với 11.125m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00330, ngày 10/11/2005 mang tên ông Nguyễn Văn L.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Ngày 14 tháng 12 năm 2017 Ngân hàng TMCP NT VN – CNAGvà ông Nguyễn Văn L có ký hợp đồng tín dụng số 1332/2017/VCB.AG. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông L vay với số tiền 2.300.000.000đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng); Để bảo đảm cho khoản vay ông Nguyễn Văn L và bà Trần KPvà bà Nguyễn Thị Bé Hnhận thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp, kèm theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CĐ, thành phố CT là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục duy trì để bảo đảm cho số tiền nợ vay.

Về nghĩa vụ trả nợ của ông L, do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng kiện yêu cầu ông L trả toàn bộ số tiền 2.999.968.976đ. Trong đó, nợ gốc là: 2.299.985.635đ, nợ lãi trong hạn 88.580.105đ, nợ lãi quá hạn 611.403.236đ và tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án do ông L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải, công khai chứng cứ nên ông phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt.

Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ để buộc ông L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 2.999.968.976đ, duy trì lãi suất và hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, có xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên bản ngày 19 tháng 10 năm 2018, việc xem xét phát sinh chi phí theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông L phải chịu trách nhiệm nộp chi phí theo quy định pháp luật. Ngân hàng được nhận lại chi phí sau khi ông L nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở phiên theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé Hcó mặt; bị đơn vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại gồm ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, ông Nguyễn Thành S, ông Nguyễn Văn H, bà Tăng Thị L, ông Lê Chí H, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Văn P (Y) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L, các đương sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 06 năm 2018, Ngân hàng đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn L là bị đơn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn L và quá trình giải quyết xem xét, thẩm định tại chỗ phát sinh người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhận cố đất của ông L, bà P và bà Hai nên Tòa án đã thụ lý vụ án bổ sung các ông bà: bà Tăng Thị L, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Văn H, ông Đinh Ngọc D, ông Nguyễn Thành S, ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Ngọc D và bà Nguyễn Văn Tthì vào ngày 04/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã ban hành thông báo về việc xác định tư cách đương sự số 02/2020/TB-TA về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng xác định ông Đinh Ngọc D và bà Nguyễn Văn T không tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không nhận cố đất của ông L, bà P, bà Hai. Việc xác định tư các các đương sự, các đương sự còn lại không ý kiến. Do đó, xét tư cách đương sự Ngân hàng TMCP NT VN là nguyên đơn; ông Nguyễn Văn L là bị đơn; ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, bà Nguyễn Thị Bé H, ông Nguyễn Thành Sang, ông Nguyễn Văn H, bà Tăng Thị L, ông Lê Chí H, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Văn P (Y) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Ngân hàng TMCP NT VN ủy quyền cho Ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1962 - Phó Trưởng Phòng khách hàng Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGlà người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 12/UQ-NHNT.AG ngày 12/06/2018. Đến ngày 09/07/2020 Ngân hàng ủy quyền cho ông Bùi Phúc Minh H - Phó Trưởng Phòng khách hàng Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGtheo giấy ủy quyền số 53/UQ-NHNT.AG cùng ngày 09 tháng 7 năm 2020, thay thế văn bản ủy quyền số 12/UQ-NHNT.AG ngày 12/06/2018. Xét việc ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 562, 563, 569 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[4] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP NT VN tranh chấp về số tiền theo hợp đồng tín dụng số 1332/2017/VCB.AG, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Xét, tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh, có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng tín dụng. Theo điểm 11.2 điều 11 hợp đồng tín dụng số: 1332/2017/VCB.AG ngày 14 tháng 12 năm 2017 các đương sự thỏa thuận thống nhất nếu phát sinh tranh chấp sẽ do Tòa án nơi Ngân hàng có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện để giải quyết. Do đó, Ngân hàng nộp đơn khởi tại và yêu càu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng tín dụng số 1332/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017, kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 22 tháng 12 năm 2017 thấy: Ông Nguyễn Văn L là người ký tên vay với tư cách là bên vay tiền của Ngân hàng TMCP NT VN. Ông L đã ký nhận đủ số tiền

2.300.000.000 đồng vào ngày 22/12/2017. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5.1] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ số 01 ngày 22/12/2107 và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Ông L đã vay số tiền 2.300.000.000 đồng, đến nay không trả nợ vốn, lãi đúng hạn là vi phạm Điều 6, Điều 8 Hợp đồng cho vay theo hạn mức và giấy nhận nợ số 01 ngày 22/12/2017. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L trả nợ vốn, lãi là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa. Ông L nợ tiền vốn: 2.300.000.000 đồng, ngân hàng đã thu số tiền nợ vốn 14.365đ nên số tiền nợ vốn còn lại là 2.299.985.653đ, mức lãi suất số tiền nợ lãi trong hạn 10,50%/năm; lãi suất nợ quá hạn 15,75%/năm được điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ. Vậy, tong đến ngày xét xử, tiền lãi trong hạn tính từ ngày vay đến nay chưa thanh toán là 88.580.105đ, tiền lãi quá hạn ông L còn phải trả là 611.403.236đ và yêu cầu tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ số 01 ngày 22/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông L là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Ngày 14/12/2017 Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1270/2017/VCB.AG với ông Nguyễn Văn L, bà Trần KP và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1271/2017/VCB.AG với bà Nguyễn Thị Bé H.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1271/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP NT VN với bà Nguyễn Thị Bé Hkèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03289 do Ủy ban nhân dân huyện CĐ, thành phố CT cấp ngày 30/03/2015.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1270/2017/VCB.AG ngày 14/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP NT VN với ông Nguyễn Văn L và bà Trần KPkèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01113 do Ủy ban nhân dân huyện CĐ, thành phố CT cấp ngày 28/03/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00331 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Trạch (nay là Ủy ban nhân dân huyện CĐ), thành phố CT cấp ngày 10/11/2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00330 do Ủy ban nhân dân huyện CĐ (nay là Ủy ban nhân dân huyện CĐ), thành phố CT cấp ngày 10/11/2005.

Tất cả các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Đỗ Như Phương chứng nhận số 3312 và 3313, quyển số 03/2017/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 21/12/2017 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai huyện CĐ, thành phố CT và sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 02, ngày đăng ký 21/12/2017 là phù hợp quy định tại Điều 342, 343, 344, 715, 716, 717, 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 10 Nghị định 163/2006/QĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm, sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1270/2017/VCB.AG với ông Nguyễn Văn L, bà Trần KPvà hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1271/2017/VCB.AG với bà Nguyễn Thị Bé Hcó giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Theo yêu cầu của Ngân hàng, phía ông L, bà Phương và bà Hai thống nhất duy trì để bảo đảm cho số tiền ông L đã vay Xét các đương sự thống nhất cần thiết phải duy trì để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng về sau nên Hội đồng xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, bà Nguyễn Thị Bé Hthống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý duy trì các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo bảo thi hành án về sau, không có yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng, giữa các bên không có tranh chấp nên không xét đến. Riêng các ông bà Nguyễn Thành Sang, ông Nguyễn Văn Hiền, bà Tăng Thị Lành, ông Lê Chí Hiếu, ông Trương Văn Tuấn, ông Nguyễn Văn Phương (Yêm) trình bày không tranh chấp đối với việc các bên nhận cố đất với ông L, bà P, bà Hai, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng, ông L, bà Phương và bà Hai, đồng thời có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không xét đến, nếu có tranh chấp sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L phải nộp tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về kinh doanh sơ thẩm. Ngân hàng không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Văn L phải chịu trách nhiệm nộp số tiền 13.000.000đ để hoàn trả cho Ngân hàng khi ông L nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Đối với số tiền 20.000.000đ, Ngân hàng đã nộp tạm ứng theo phiếu thu ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện CĐ. Tòa án đã trả cho Ngân hàng số tiền 7.000.000đ theo biên nhận tiền ngày 13 tháng 12 năm 2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự 2005;

Điều 561, Điều 562, Điều 569, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 68, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233, khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao;

-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP NT VN đối với ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Nguyễn Văn L thanh toán cho Ngân hàng TMCP NT VN – Do Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGđại diện nhận số tiền 2.999.954.628đ (hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng). Trong đó, tiền vốn: 2.299.985.653đ (hai tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng); tiền lãi trong hạn 88.565.753đ, tiền lãi quá hạn 611.403.222đ (sáu trăm mười một triệu, bốn trăm lẻ ba ngàn, hai trăm hai mươi hai đồng), (tiền lãi tạm tính đến ngày 22 tháng 07 năm 2020).

Kể từ ngày 23 tháng 07 năm 2020, ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1270/2017/VCB.AG; số 1271/VCB.AG ngày 14/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP NT VN với ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, bà Nguyễn Thị Bé H.

Kèm theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03289 do Ủy ban nhân dân huyện CĐ, thành phố CT cấp ngày 30/03/2015 mang tên bà Nguyễn Thị Bé H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01113 do Ủy ban nhân dân huyện CĐ, thành phố CT cấp ngày 28/03/2012 mang tên ông Nguyễn Văn L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00331 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (nay là Ủy ban nhân dân huyện CĐ), thành phố CT cấp ngày 10/11/2005 mang tên ông Nguyễn Văn L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00330 do UBND huyện CĐ

(nay là Ủy ban nhân dân huyện CĐ), thành phố CT cấp ngày 10/11/2005 mang tên ông Nguyễn Văn L cho đến khi ông Nguyễn Văn L trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng TMCP NT VN – Do Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGđại diện nhận số tiền 39.750.000đ (ba mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008888 ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 89.830.000đ (tám mươi chín triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP NT VN – Do Ngân hàng TMCP NT VN - CNAGđại diện nhận số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Ngân hàng TMCP NT VN, bà Nguyễn Thị Bé Hđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L, bà Trần Kim P, ông Nguyễn Thành Sang, ông Nguyễn Văn Hiền, bà Tăng Thị Lành, ông Lê Chí Hiếu, ông Trương Văn Tuấn, ông Nguyễn Văn Phương (Yêm) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của các ông bà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phán - ChỦ tỌA phiên tÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Văn Phương